

Tuần: 17/02/2021-20/02/2021

Tiết:

Day lớp:

Ngày dạy:

Bài 36 : TỔNG KẾT CÂY CÓ HOA (tiếp theo)

I. Mục tiêu bài học:

1. **Kiến thức:** - Hs biết được cây xanh và môi trường có mối liên quan chặt chẽ.
- Biết được khi điều kiện sống thay đổi thì cây xanh biến đổi thích nghi với đời sống.
- Thực vật thích nghi với điều kiện sống nên phân bố rộng rãi.
2. **Kỹ năng:**
- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh.
3. **Thái độ:**
- Giáo dục hs bảo vệ thiên nhiên.

II. Phương pháp:

- Trực quan, so sánh.

III. Phương tiện:

- Gv: 36.2 đến 36.5 (sgk).
- Hs: Tìm hiểu trước những TV sống ở cạn, nước, sa mạc...

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số HS.

2/ **Kiểm tra bài cũ:**

H: Cây có những loại cơ quan nào? Chúng có chức năng gì?

3/ **Giảng bài mới:**

Vào bài: - Gv: Giới thiệu bài mới ...

- GV: Ghi tên bài lên bảng

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung bài học</i>
<u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu cây với môi trường nước. -Gv: Treo tranh cho hs quan sát H: 36.2; 36.3 yêu cầu hs thảo luận nội dung: H: Quan sát nhận xét lá ở 2 môi trường trên (trên mặt nước và dưới mặt nước) ? Tại sao? H: Cây bèo tây có cuống phình to, nhẹ , xốp. Điều này giúp gì cho cây khi sống trên mặt nước? H: Quan sát H: 36.3 so sánh cuống lá ở hA có gì khác với hB? Giải thích tại sao? -Hs: Thảo luận , trả lời -GV: Nhận xét, bổ sung: 1 → Lá trên mặt nước to, lá dưới mặt nước nhỏ. Vì có hình dạng biến đổi để thích nghi với đ.k sống. 2 → Giúp cây bèo sống trôi nổi trên mặt nước. 3 → Cuống lá hA to hơn hB, Tại vì phình to chứa không khí giúp cây nổi trên mặt nước.	<u>II. Cây với môi trường.</u> 1. <u>Các cây sống dưới nước.</u>  

- a/ sù, vệt, đước
- b/ Rong đuôi chó, bèo tây
- c/ Sen, súng
- d/ Xương rồng, rong đuôi chó.

- HS: a

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài
- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr121
- Đọc phần “Em có biết”
- Nghiên cứu bài 37, trả lời các câu hỏi sau:
- + Tảo xoắn và rong mơ có đặc điểm cấu tạo như thế nào?
- + Vai trò của tảo là gì?

V. Rút kinh nghiệm:

.....

Tuần: 22/02/2021-27/02/2021

Tiết:

Dạy lớp:

Ngày dạy:

Bài 37 : **TẢO**

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Hs nêu được môi trường sống và cấu tạo của tảo thể hiện tảo là TV bậc thấp.
- Phân biệt được tảo với một cây xanh thật sự.
- Tập nhận biết được một số tảo thường gặp qua quan sát mẫu vật.
- Hiểu rõ lợi ích của tảo.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh.

3. Thái độ:

- Giáo dục hs ý thức bảo vệ TV.

II. Phương pháp:

- Trực quan, so sánh.

III. Phương tiện:

- Gv: Chuẩn bị H: 37.1 đến 37.4.
- Hs: Đọc trước bài 37 sgk.

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số HS

2/ **Kiểm tra bài cũ:**

H: Cho biết những cây sống ở môi trường nước, cạn và những môi trường khắc nghiệt ? Chúng có đ.đ gì ? cho vd minh họa

3/ **Giảng bài mới:**

Vào bài: GV: Ghi tên bài lên bảng

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung bài học</i>
Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo của tảo. <i>(Không đi sâu về cấu tạo của tảo)</i> -Gv: Giới thiệu nơi thường thấy tảo xoắn: nước mương, ruộng lúa ...	1. Cấu tạo của tảo. a. Quan sát tảo xoắn:

Treo tranh: 37.1, yêu cầu hs quan sát để trả lời:

H: Nhận xét về hình dạng của tảo xoắn ?

H: Vì sao tảo xoắn có màu lục ?

-Hs: Là vì có thể màu chứa diệp lục.

H: Cho biết cách sinh sản của tảo xoắn ?

-Hs: Bằng s.s sinh dưỡng và s.s tiếp hợp.

-Gv: Cho hs lần lượt trả lời....

Cho hs chốt lại kiến thức:

H: Nêu đặc điểm cấu tạo của tảo xoắn ?

-Hs: Trả lờiGv: Cho hs ghi kết luận....

-Gv: Treo tranh 37.2 cho hs quan sát và giới thiệu môi trường sống của rong mơ, trả lời:

H: Rong mơ có cấu tạo như thế nào? So sánh hình dạng cây rong mơ với cây ớt (cây bàng) xem chúng khác và giống nhau như thế nào ?

-Hs: Trả lời , chốt nội dung ...

Hoạt động 2: Làm quen với một số tảo thường gặp.

-Gv: Cho hs quan sát H: 37.3; 37.4 và giới thiệu...

H: Em có nhận xét gì về hình sự đa dạng của tảo?

→ Tảo đa dạng về hình dạng, cấu tạo , màu sắc.

H: Tảo có đặc điểm chung gì ?

→ Là TV bậc thấp, có một hay nhiều tế bào...

Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của tảo.

-Gv: Gọi hs đọc t.tin sgk ... Yêu cầu:

H: Tảo có vai trò gì ?

-Hs: Trả lời....

Gv: Liên hệ thực tế về vai trò của tảo:

+ Vai trò có lợi.

+ Tảo có hại.



Hình 37.1. Hình dạng và cấu tạo tế bào một phần sợi tảo xoắn

1. Thể màu ; 2. Vách tế bào ; 3. Nhân tế bào

Cơ thể tảo xoắn là một sợi gồm nhiều tế bào hình chữ nhật có cấu tạo gồm: thể màu, vách tế bào, nhân tế bào.

b. Quan sát rong mơ:



Hình 37.2. Một đoạn rong mơ

Tảo là sinh vật vật có cấu tạo đơn giản, có diệp lục, chưa có rễ thân lá.

2. Một số tảo thường gặp:



Hình 37.3. Tảo đơn bào và tảo đa bào. 1. Tảo đơn bào (tảo vi sinh vật); 2. Tảo đơn bào (tảo vi sinh vật); 3. Tảo đơn bào (tảo vi sinh vật); 4. Tảo đơn bào (tảo vi sinh vật)

a. Tảo đơn bào.

b. Tảo đa bào.

3. Vai trò của tảo:

-Thải ô xi.

-Là thức ăn cho một số ĐV nhỏ ở dưới nước.

-Còn làm thức ăn và cung cấp một số vitamin cho con người.

-Dùng làm phân bón, thuốc nhuộm...

* Ngoài những mặt có lợi, tảo còn có hại: sinh sản nhanh làm ngộ độc chết cá, hại lúa

....

4/Củng cố:

Hs: Đọc phần ghi nhớ sgk, phần “Em có biết”.

GV: Tảo là sinh vật vì:

a/ cơ thể có cấu tạo đơn bào

b/ sống ở nước

c/ chưa có rễ, thân, lá thật sự.

- HS: c

- GV: Tảo có vai trò gì?

- HS: - Cung cấp oxi, thức ăn cho động vật ở nước

- Một số tảo làm thức ăn cho người và gia súc, làm thuốc...

- Ngoài ra có 1 số tảo gây hại.

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài

- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr125 (*Không trả lời câu hỏi 1. 2. 4. Câu hỏi 3 không cần trả lời phần cấu tạo*)

- Đọc phần “Em có biết”

- Chuẩn bị: nghiên cứu bài 38, trả lời các câu hỏi sau:

+ Môi trường sống của rêu là gì?

+ Cây rêu có cấu tạo như thế nào? So sánh với tảo?

+ Vai trò của rêu là gì?

V. Rút kinh nghiệm:

.....

Tuần: 22/02/2021-27/02/2021

Tiết: Dạy lớp:

Ngày dạy:

CHƯƠNG VIII: CÁC NHÓM THỰC VẬT

Bài 38 : RÊU – CÂY RÊU

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Mô tả được rêu là thực vật đã có thân, lá nhưng cấu tạo đơn giản.

- Biết được cơ quan sinh sản của rêu là túi bào tử.

- Thấy được vai trò của rêu trong tự nhiên.

2. Kỹ năng:

Rèn kỹ năng quan sát, so sánh.

3. Thái độ:

Giáo dục hs yêu thích thiên nhiên.

II. Phương pháp:

Trực quan, so sánh.

III. Phương tiện:

- Gv: Chuẩn bị H: 38.1; 38.2 98sgk).

- Hs: Sưu tầm cây rêu.

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số HS

2/ Kiểm tra bài cũ:

H: Nêu cấu tạo của tảo xoắn và rong mơ ? Tại sao không thể coi tảo xoắn như một cây xanh thật sự ?

3/ Giảng bài mới:

Vào bài: Trong thiên nhiên có những cây rất nhỏ bé thường mọc thành từng đám, tạo nên 1 lớp thảm màu lục tươi. Những cây tí hon đó là những cây rêu, chúng thuộc nhóm Rêu.

GV: Ghi tên bài lên bảng

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung bài học</i>
Hoạt động 1: Tìm hiểu môi trường sống của rêu. -GV: Cho hs tìm hiểu t.tin và hiểu biết trong thực tế để trả lời: <u>H:</u> Rêu thường sống ở những nơi nào ? -Hs: Chỗ ẩm ướt, quanh nhà, chân tường... -GV: Nhận xét, giới thiệu môi trường sống của rêu, nhận dạng cây rêu....Là nhóm TV sống trên cạn đầu tiên có c.tạo đơn giản. → Hoạt động 2: Quan sát cây rêu. -GV: Treo H:38.1, cho hs quan sát mẫu vật và đối chiếu tranh: Nhận biết các bộ phận của rêu. Yêu cầu: <u>H:</u> Rêu có những bộ phận nào ? → Rêu có rễ, thân, lá. <u>H:</u> Rễ của Rêu có gì đặc biệt ? → Rễ giả. -GV: <i>Nhận xét, bổ sung trên tranh:</i> Rêu có rễ giả có khả năng hút nước nhưng chưa có mạch dẫn ở bên trong, mà chỉ có những sợi đa bào ở bên trong trông giống như rễ. Vì vậy gọi là rễ giả. Thân và lá cũng chưa có mạch dẫn, chính vì thế mà rêu chỉ sống ở những nơi ẩm ướt.... -GV: <i>Mở rộng kiến thức cho hs:</i> <u>H:</u> Vì sao rêu được xếp vào nhóm t.v bậc cao? -HS: Trả lời.... -GV: <i>Bổ sung:</i> Vì Rêu là t.v đầu tiên sống trên cạn, có cấu tạo giống một cây có hoa... → Hoạt động 3: Tìm hiểu sự sinh sản và phát triển của cây Rêu. -GV: Treo tranh 38.2 cho hs quan sát, yêu cầu: <u>H:</u> Rêu sinh sản và phát triển nòi giống bằng gì ? Đặc điểm của cơ quan sinh sản ? → Rêu s.sản bằng túi bào tử. Đ.điểm của túi bào tử là có nắp, bên trong chứa các bào tử. <u>H:</u> Trình bày sự s.sản và p. triển của cây rêu ? -Hs: Lên bảng trình bày trên tranh 38.2 ... -GV: Cho hs nhận xét, gv bổ sung trên tranh về sự sinh sản và phát triển của cây Rêu:	1. Môi trường sống của rêu. -Rêu thường sống nơi ẩm ướt như chân tường, trên đất hay các cây to... 2. Quan sát cây rêu. -Rêu là những thực vật đã có thân, lá, nhưng cấu tạo vẫn còn đơn giản. +Thân ngắn, không phân nhánh. +Lá nhỏ mỏng. +Rễ giả có khả năng hút nước. +Chưa có mạch dẫn. 3. Túi bào tử và sự phát triển của Rêu.

<u>Phát triển:</u> Trong quá trình phát triển đến một g.đoạn nhất định → trên ngọn cây rêu có cơ quan s.sản hữu tính riêng biệt chứa các tế bào s.dục đực (tinh trùng) và cái (trứng), sau quá trình thụ tinh mới phát triển thành túi bào tử chứa các bào tử. <u>Sinh sản:</u> Từ 1 cây rêu đã phát triển có túi bào tử → túi bào tử mở nắp → các bào tử trong túi rơi ra gặp đ.k thuận lợi các bào tử nảy mầm → phát triển thành cây rêu con... <u>H:</u> So sánh đặc điểm cấu tạo của rêu với tảo? (HS giải) <u>HS:</u> Thảo luận. Trả lời. HS khác bổ sung <u>GV:</u> Bổ sung: + Rêu: Có thân, lá chính thức, rễ chưa chính thức; Sống ở môi trường cạn; Sinh sản bằng bào tử + Tảo: Chưa có thân, lá, rễ chính thức; Sống ở môi trường nước; Sinh sản bằng cách đứt từng đoạn <u>H:</u> So sánh với cây có hoa rêu có gì khác? <u>Rêu:</u> Thân và lá chưa có mạch dẫn, rễ chưa chính thức (chỉ là các sợi đa bào); Không có hoa, quả, hạt <u>Cây có hoa:</u> Thân, lá, rễ có mạch dẫn phát triển; Có hoa, quả, hạt → Hoạt động 4: Tìm hiểu vai trò của rêu. <u>H:</u> Rêu có vai trò gì ? → Hình thành chất mùn cho đất, làm phân bón, làm chất đốt	-Cơ quan sinh sản của rêu là túi bào tử nằm ở ngọn cây rêu. -Rêu sinh sản bằng bào tử nằm trong túi bào tử. -Bào tử nảy mầm phát triển thành cây rêu. 4. Vai trò của rêu: (SGK)
--	--

4/Củng cố:

Hs: Đọc phần ghi nhớ sgk.

- GV: tìm từ điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- Cơ quan sinh dưỡng của cây rêu gồm có....., chưa có..... Trong thân và lá rêu chưa có..... Rêu sinh sản bằng.....được chứa trong....., cơ quan này nằm ở.....cây rêu.

- HS: thân, lá, rễ giả, mạch dẫn, bào tử, túi bào tử, ngọn.

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài

- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr127

- Chuẩn bị: nghiên cứu bài 39, trả lời các câu hỏi sau:

- + Cây dương xỉ có cấu tạo như thế nào?
- + Sự phát triển của Dương xỉ?
- + Than đá được hình thành như thế nào?

V. Rút kinh nghiệm:

.....

Tuần: 01/03/2021-06/03/2021

Tiết:

Dạy lớp:

Ngày dạy:

Bài 39 : QUYẾT - CÂY DƯƠNG XỈ

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Mô tả được quyết (cây dương xỉ) là thực vật có rễ, thân, lá, có mạch dẫn. Sinh sản bằng bào tử.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng quan sát, thực hành.

3. Thái độ:

- Giáo dục hs bảo vệ thiên nhiên.

II. Phương pháp:

- Trực quan, so sánh.

III. Phương tiện:

- Gv: Chuẩn bị H: 39.1; 39.2; 39.3; 39.4 (sgk).
- Hs: Sưu tầm cây dương xỉ.

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số HS

2/ **Kiểm tra bài cũ:**

- *H:** Rêu có cấu tạo đơn giản như thế nào ? Trình bày sự sinh sản của rêu ? Rêu có vai trò gì ?

3/ **Giảng bài mới:**

Vào bài: Quyết là tên gọi chung của 1 nhóm thực vật sinh sản bằng bào tử như rêu nhưng khác rêu về cấu tạo cơ quan sinh dưỡng và sinh sản. Vậy ta hãy xem sự khác nhau đó như thế nào? GV: Ghi tên bài lên bảng

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung bài học</i>
Hoạt động 1: Quan sát cây dương xỉ. Gv: +Giới thiệu: Nơi sống của cây dương xỉ... +Treo tranh: 39.1, cho hs quan sát mẫu vật và đối chiếu với H: 39.1. Yêu cầu: Hãy quan sát các bộ phận của cây và ghi lại đặc điểm các bộ phận của cây ? -Hs: Hoạt động theo nhóm... -Gv: Sau khi hs quan sát, cho hs trả lời: H: Cơ quan sinh dưỡng của cây dương xỉ có đặc điểm gì ? So sánh với cây rêu, đặc điểm đó có gì giống và khác nhau ? -Hs: trả lời....	1. Quan sát cây dương xỉ. a. Cơ quan sinh dưỡng.

-Gv: Nhận xét, bổ sung: Giống: Đều có rễ, thân, lá. Khác: cây dương xỉ: lá có mạch dẫn, có rễ thật...

-Gv: lưu ý cho hs: ở H:39.1 cuống lá già với thân. Lá non cuộn tròn chứ không phải hoa...

Cho hs chốt lại nội dung:

H: Vậy c. quan s. dưỡng của rêu có đ. điểm gì?

-Hs: Trả lời..... Gv: Cho hs ghi bài.....

-Gv: Treo tranh 39.2, cho hs quan sát. Yêu cầu hs hoạt động nhóm: Làm phần lệnh ở sgk...

-Hs: Lật mặt dưới của lá già để tìm túi bào tử...

-Gv: Quan sát hs hoạt động: tìm được túi bào tử.

Gv: Lưu ý hs quan sát kĩ: **Vòng cơ** để trả lời:

H: Vòng cơ có tác dụng gì ?

H: Cơ quan s. sản của d.xỉ là gì ? Trình bày sự phát triển của bào tử ? So sánh với rêu ?

→ Vòng cơ có tác dụng đẩy bào tử bay ra khi túi bào tử chín.

→ Cơ quan sinh sản là túi bào tử... So với rêu thì s.sản của d.xỉ khác ở chỗ có nguyên tản phát triển từ bào tử.

-Hs: Trả lời...Gv: Bổ sung: Sự p.triển của d.xỉ...

Hoạt động 2: Tìm hiểu thêm một vài dương xỉ thường gặp.

-Gv: Treo tranh: 39.3 (a,b). cho hs q.sát và một vài mẫu vật (nếu có). Yêu cầu:

H: Hãy cho biết có thể nhận ra một cây dương xỉ nhờ đặc điểm nào của lá ?

-Hs: Trả lời....

-Gv: Nhận xét, bổ sung: Căn cứ vào lá non hay cuộn tròn...

Hoạt động 3: Tìm hiểu sự hình thành than đá.-

Gv: Gọi 1-2 hs đọc phần t.tin sgk... Trả lời:

H: Than đá được hình thành như thế nào ?

-Hs: Trả lời....Gv: Nhận xét, bổ sung....

-Cơ quan sinh dưỡng gồm:

-Lá già có cuống dài, lá non cuộn tròn.

-Thân hình trụ.

-Rễ thật.

-Có mạch dẫn.

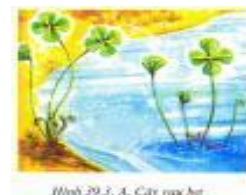
b. Túi bào tử và sự phát triển của dương xỉ.



-Dương xỉ sinh sản bằng bào tử.

-Mặt dưới của dương xỉ có những đốm chứa túi bào tử → vòng cơ đẩy bào tử chín rơi ra ngoài → bào tử nảy mầm → phát triển thành nguyên tản → cây dương xỉ con.

2. Một vài loài dương xỉ thường gặp.



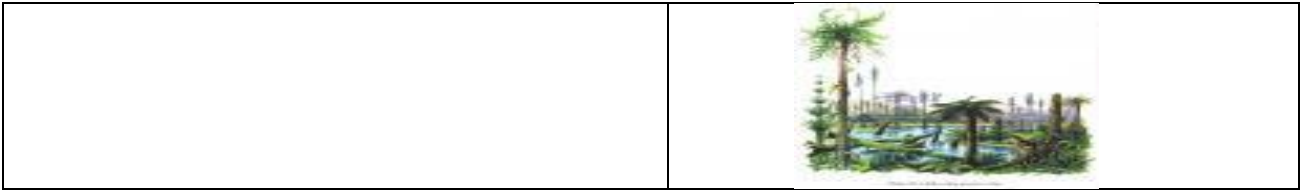
Hình 29.3. A. Cây rau bọ.

-Cây rau bọ.



-Cây lông cu li...

3. Quyết cổ đại và sự hình thành than đá.



4/Củng cố:

Hs: Đọc phần ghi nhớ sgk, phần “Em có biết”.

- GV: điền vào chỗ trống cho hoàn chỉnh đoạn văn sau:

Mặt dưới lá Dương xỉ có những đốm chứa

Vách túi bào tử có 1 vòng cơ mang tế bào dày lên rất rõ, vòng cơ có tác dụng.....khi túi bào tử chín. Bào tử rơi xuống đất sẽ nảy mầm và phát triển thành.....rồi từ đó mọc ra.....

Dương xỉ sinh sản bằng.....như rêu, nhưng khác rêu ở chỗ có.....do bào tử phát triển thành.

- HS: túi bào tử, đẩy bào tử bay ra, nguyên tản, cây Dương xỉ con, bào tử, nguyên tản.

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài
- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr131
- Đọc phần “Em có biết”
- Ôn lại các bài đã học từ chương 6, tiết sau ôn tập.

V. Rút kinh nghiệm:

.....

Tuần:01/03/2021-06/03/2021

Tiết:

Dạy lớp:

Ngày dạy:

Bài 40 : HẠT TRẦN – CÂY THÔNG

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Mô tả được cây Hạt trần (ví dụ cây thông) là thực vật có thân gỗ lớn và mạch dẫn phức tạp. sinh sản bằng hạt nằm lộ trên lá noãn hở.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng quan sát, so sánh, làm việc độc lập.

3. Thái độ:

- Giáo dục hs yêu thích bộ môn.

II. Phương pháp:

- Trực quan, so sánh nhận biết.

III. Phương tiện:

- Gv: Chuẩn bị nón thông: nón đực và nón cái. H: 40.1, 40.2, 40.3. bảng phụ.

- Hs: Sưu tầm nón thông, cành thông có nón.

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số HS

2/ Kiểm tra bài cũ:

3/ Giảng bài mới:

Vào bài: -Gv: Giới thiệu bài mới : (như sgk). GV: Ghi tên bài lên bảng

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung bài học</i>
--	-------------------------

Hoạt động 1: Quan sát cơ quan sinh dưỡng của thông.

Gv: Giới thiệu sơ qua về cây thông có ở tỉnh ta...

-Gv: Treo H: 40.1 Cho hs quan sát kết hợp với cành thông. Yêu cầu: Quan sát tranh và mẫu vật, ghi lại kết quả về: Đặc điểm của cành và lá thông.

-Hs: Hoạt động theo nhóm.

-Gv: Gợi ý : + đ.điểm thân ? cành ? màu sắc ?
+ lá, hình dạng ? màu sắc ? có mấy lá mọc từ gốc thân ?

-Hs: Lần lượt mô tả về đặc điểm đã quan sát...

-Gv: Cho hs nhận xét, bổ sung...

Lưu ý cho hs: Chú ý vảy ở gốc lá (2 lá).

Gv: Nhận xét, bổ sung trên tranh (m.vật).

H: Vậy cơ quan sinh dưỡng của thông có đ.điểm gì?

-Hs: Trả lời....Rút ra kết luận....

Hoạt động 2: Quan sát cơ quan s. sản của thông.

-Gv: Cho hs quan sát H: 40.2 và mẫu vật: nón thông. Yêu cầu :

H: Hãy xác định vị trí nón đực và nón cái trên cành?

H: Đặc điểm của 2 loại nón (số lượng, kích thước) ?

-Hs: Quan sát , xác định 2 loại nón thông...

-Gv: Bổ sung trên tranh thấy: 2 loại nón thông.

-Gv: Tiếp tục cho hs quan sát H: 40.3 A-B, yêu cầu:

H: Nón đực có cấu tạo như thế nào ?

H: Nón cái có cấu tạo như thế nào ?

-Hs: Trả lời , nhận xét, bổ sung ...

-Gv: Nhận xét, bổ sung trên tranh (mẫu vật).....

(Không yêu cầu so sánh cấu tạo của hoa và nón)

-Hs: Lần lượt lên bảng làm bảng phụ ...

-Gv: Từ bảng bài tập, cho hs trả lời:

H: Có thể coi nón như hoa được không ? Vì sao ?

H: Hạt có đ.điểm gì ? Nằm ở đâu ?

H: So sánh nón thông với quả bưởi có gì khác nhau?

1. Cơ quan sinh dưỡng của cây thông.



-Thân, cành màu nâu, xù xì (cành có vết sẹo khi lá rụng).

- Lá nhỏ hình kim, mọc từ 2 đến 3 chiếc trên một cành con rất ngắn.

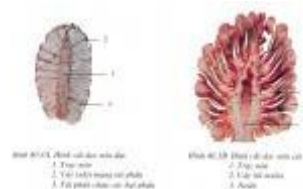
2. Cơ quan sinh sản.

-Thông có 2 loại nón:

+Nón đực: Nhỏ , màu vàng, mọc thành cụm.

Vảy (nhị) mang túi phấn chưa hạt phấn.

+Nón đực: Lớn, mọc riêng lẻ. Vảy (lá noãn) mang noãn.



H: Tại sao gọi thông là cây hạt trần ? Có hoa quả thật sự chưa ? -Hs: Trả lời ... Gv: Cho hs nhận xét, bổ sung....	-Nón chưa có bầu nhụy chứa noãn (không thể coi nón như hoa được). -Hạt nằm trên lá noãn hở (hạt trần), nó chưa có quả thật sự.
Hoạt động 3: Tìm hiểu giá trị của cây hạt trần. -Hs: Đọc thông tin... H: Cây hạt trần có những giá trị gì ? Cho ví dụ ? -Hs: trả lời -Gv: <u>Liên hệ thực tế:</u> Cây hoàng đàn, cây pomu, cây trắc bách diệp, tuế....	3. <u>Giá trị của cây hạt trần.</u> (SGK)

4/Củng cố:

- Hs: Đọc phần ghi nhớ sgk, phần “Em có biết”.
- GV: cơ quan sinh sản của thông là gì? Cấu tạo ra sao?
- HS: là nón, cấu tạo: - Nón đực: nhỏ, mọc thành cụm.
- + Vây mang 2 túi phấn chứa hạt phấn.
- Nón cái: lớn, mọc riêng lẻ
- + Vây mang 2 noãn
- GV: Cơ quan sinh dưỡng của thông gồm:
- a/ thân, lá, rễ
- b/ thân, lá, nón
- c/ nón đực, nón cái
- d/ hoa, quả, hạt
- HS: a

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

Hs: Học bài, làm bài tập: câu 2 sgk/ t. 134 . Chuẩn bị bài mới: bài 41.

V. Rút kinh nghiệm:

.....

Tuần:08/03/2021-13/03/2021

Tiết:

Dạy lớp:

Ngày dạy:

Bài 41 : HẠT KÍN – ĐẶC ĐIỂM CỦA THỰC VẬT HẠT KÍN

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Nêu được thực vật hạt kín là nhóm thực vật có hoa,quả, hạt. Hạt nằm trong quả (hạt kín). Là nhóm thực vật tiến hóa hơn cả (có sự thụ phấn, thụ tinh kép).

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh.

3. Thái độ:

- Giáo dục hs yêu thích bộ môn.

II. Phương pháp:

- Trực quan, so sánh.

III. Phương tiện:

- Gv: Chuẩn bị mẫu vật như SGK. Bảng phụ; kính lúp, giao, kim; phiếu học tập .

- Hs: Kẻ phiếu theo mẫu gv hướng dẫn.

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số HS

2/ **Kiểm tra bài cũ:**

H: Cơ quan sinh dưỡng của thông có đặc điểm gì ?

H: Cơ quan sinh sản của thông là gì ? Nêu rõ cấu tạo của chúng ?

3/ **Giảng bài mới:**

Vào bài: Chúng ta đã quen thuộc với nhiều cây có hoa như: cam, đậu, ngô...Chúng được gọi chung là cây hạt kín tại sao vậy? Chúng khác với cây hạt trần ở đặc điểm gì? GV: Ghi tên bài lên bảng

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>					<i>Nội dung bài học</i>			
Hoạt động 1: Quan sát cây hạt kín: -Gv: Yêu cầu hs quan sát mẫu vật theo nhóm nhỏ (2 bàn /nhóm); phát phiếu học tập. -Gv: Gợi ý: Cho hs quan sát theo nội dung, làm bài tập ở phần a: a. <u>Cơ quan sinh dưỡng</u> : Thân? Lá? Rễ? -Hs: Quan sát theo nhóm, hoàn thành nội dung1. -Gv: Quan sát, rèn kỹ năng thu thập kiến thức trên tranh (mẫu vật) cho hs. -Gv: Sau khi hs làm xong phần 1. Yêu cầu hs làm tiếp phần b: b. <u>Cơ quan sinh sản</u> : Hoa? Đài? Tròng? Nhị? Nhụy? -Hs: Quan sát, thảo luận nhóm, hoàn thành bảng nội 2... -Gv: Trong khi hs quan sát, Gv hướng dẫn cho hs về kỹ năng quan sát: Các bộ phận nhỏ của các bộ phận bằng kính lúp..... -Gv: Treo bảng phụ (bảng tổng thể, để trống). Yêu cầu hs đại diện nhóm lên làm bảng. -Hs: Lần lược hoàn thành bảng... -Gv: Cho hs nhận xét, bổ sung.. ... Thu phiếu học tập để nhận xét, đưa bảng chuẩn:					1. Quan sát cây có hoa: (Bảng bài tập)			
Stt	Cây	Dạng thân	Dạng rễ	Kiểu lá	Gân lá	Cánh hoa	Quả (nếu có)	Môi trường sống
1	Bưởi	Gỗ	Cọc	Đơn	H.mạng	Rời	Mọng	Ở cạn
2	Đậu	Cỏ	Cọc	Kép	H.mạng	Rời	Khô	Ở cạn

3	Huệ	Cỏ	Chùm	Đơn	S.song	Dính		Ở cạn
4	Bèo tây	Cỏ	Chùm	Đơn	H.cung	Dính		Ở nước
...								

-Gv: Yêu cầu hs về nhà lấy thêm vd....Hoàn thành bảng vào vở...

H: Khi quan sát nhụy noãn nằm ở đâu ?
 Khi tạo quả noãn biến thành gì ? Hạt nằm ở đâu ?

-Hs: Trả lời. Gv: Chứng minh “Hạt kín”...

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm của thực vật hạt kín.

-Gv: Căn cứ vào bảng bài tập, yêu cầu:

H: Hãy nhận xét sự khác nhau của rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt ?

H: Nêu đ.điểm chung của các cây hạt kín ?

-Hs: trả lời...Gv: nhận xét, bổ sung:
 Hạt được dấu kín trong quả, bảo vệ tốt hơn, sống nhiều m.trường, đa dạng và phong phú

2. Đặc điểm của thực vật hạt kín:

Hạt kín là thực vật có hoa.

-Cơ quan sinh dưỡng phát triển đa dạng (rễ cọc, rễ chùm, thân gỗ, thân cỏ, lá đơn, lá kép...). Trong thân có mạch dẫn phát triển.

-Có hạt nằm trong quả (hạt kín), là nhóm thực vật phát triển nhất, tiến hóa hơn cả.

-Môi trường sống rất đa dạng.

4/Củng cố:

Hs: Đọc phần ghi nhớ sgk, phần “Em có biết”.

- GV: trong nhóm cây sau, nhóm nào gồm toàn cây hạt kín?

a/ Cây mận, cây rêu, cây ớt.

b/ Cây thông, cây lúa, cây đào.

c/ Cây ôi, cây cải, cây dưa.

- HS: c

- GV: Tính chất đặc trưng nhất của cây hạt kín là gì?

a/ Có hoa, quả, hạt nằm trong quả.

b/ Có sự sinh sản bằng hạt.

c/ Có rễ, thân, lá.

- HS: a.

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài

- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr136 (**không cần trả lời câu hỏi 3 trang 136**)

- Đọc phần “Em có biết”- Chuẩn bị: mỗi nhóm mang 1 cây dừa cạn, 1 cây hành, lúa...

V. Rút kinh nghiệm:

.....

Tuần:08/03/2021-13/03/2021

Tiết:

Dạy lớp:

Ngày dạy:

Bài 42 : LỚP HAI LÁ MÀM VÀ LỚP MỘT LÁ MÀM

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- So sánh được thực vật thuộc lớp 2 lá mầm với thực vật thuộc lớp 1 lá mầm.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng quan sát, thực hành.

3. Thái độ:

- Giáo dục hs bảo vệ thiên nhiên thực vật.

II. Phương pháp:

- Trực quan, thực hành, thảo luận nhóm.

III. Phương tiện:

- Gv: Chuẩn bị tranh: 42.1 A-B. Bảng phụ...

- Hs: Sơ đồ mẫu vật: Cây rẽ quạt, cây dừa cạn, lúa, ngô, hoa dâm bụt ...

IV. Tiến trình lên lớp:

1/ **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số HS

2/ **Kiểm tra bài cũ:**

H: Trình bày đặc điểm chung của thực vật hạt kín ? Lấy vd về cây hạt kín ?

3/ **Giảng bài mới:**

Vào bài: Các cây hạt kín rất khác nhau về cơ quan sinh dưỡng lẫn cơ quan sinh sản. Để các cây hạt kín với nhau, các nhà khoa học đã chia chúng thành các nhóm nhỏ hơn, đó là lớp, họ... Thực vật hạt kín gồm 2 lớp: lớp 2 lá mầm và lớp 1 lá mầm.

GV: Ghi tên bài lên bảng.

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung bài học</i>															
Hoạt động 1: Phân biệt cây 2 lá mầm và cây 1 lá mầm. -Gv: Cho hs nhắc lại kiến thức cũ: H: Hạt kín có kiểu: Rễ, gân lá, hạt (lá mầm) như thế nào ? -Hs: Trả lời ... -Gv: Bổ sung. Cho hs quan sát 42.1, gv giới thiệu tranh. <u>Yêu cầu:</u> Quan sát tranh: Thảo luận nhóm, hoàn thành bảng (sgk/ T:137). -Hs: Hoạt động theo nhóm nhỏ, làm bảng b.t.... -Gv: Sau khi hs thảo luận, gv treo bảng. Gọi hs lên bảng → Hs đại diện nhóm lên bảng làm b.t... -Gv: Cho hs nhận xét, bổ sung trên tranh: Đ.điểm phân biệt cây 1 lá mầm với cây 2 lá mầm...(Đưa bảng chuẩn, thu phiếu học tập). -Hs: Bổ sung kể vào vở (phần nội dung). -Hs: Đọc phần thông tin sgk. H: Cây 1 lá mầm có đ.điểm gì ? và cây 2 lá mầm có đặc điểm gì ? -Hs: Dựa vào bảng trên, trả lời... -Gv: Nhận xét, bổ sung... Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm phân biệt giữa lớp 2 lá mầm và lớp 1 lá mầm: -Gv: Yêu cầu hs nhắc lại: H: Đặc điểm phân biệt giữa cây 2 lá mầm và cây 1 lá mầm ? -Hs: Trả lời.	1. <u>Cây một lá mầm và cây hai lá mầm.</u>  Cây Hai lá mầm Cây Một lá mầm <table><tr><th>Đặc điểm</th><th>Lớp 1 lá mầm</th><th>Lớp 2 lá mầm</th></tr><tr><td>Rễ</td><td>Rễ chùm</td><td>Rễ cọc</td></tr><tr><td>Gân lá</td><td>Song song</td><td>Hình mạng</td></tr><tr><td>Thân</td><td>Thân cỏ, cột.</td><td>Thân gỗ, cỏ leo.</td></tr><tr><td>Hạt</td><td>Phôi có 1 lá mầm</td><td>Phôi có 2 lá mầm</td></tr></table> 2. <u>Đặc điểm phân biệt giữa lớp 2 lá mầm và lớp 1 lá mầm:</u>	Đặc điểm	Lớp 1 lá mầm	Lớp 2 lá mầm	Rễ	Rễ chùm	Rễ cọc	Gân lá	Song song	Hình mạng	Thân	Thân cỏ, cột.	Thân gỗ, cỏ leo.	Hạt	Phôi có 1 lá mầm	Phôi có 2 lá mầm
Đặc điểm	Lớp 1 lá mầm	Lớp 2 lá mầm														
Rễ	Rễ chùm	Rễ cọc														
Gân lá	Song song	Hình mạng														
Thân	Thân cỏ, cột.	Thân gỗ, cỏ leo.														
Hạt	Phôi có 1 lá mầm	Phôi có 2 lá mầm														

-Gv: Yêu cầu : H: Hãy quan sát H: 42.2 và mẫu vật (nếu có). Hoàn thành <u>bài tập sau</u>: Cây thuộc lớp 1 lá mầm là cây số:..... Cây thuộc lớp 2 lá mầm là cây số:..... -Hs: Lên bảng làm b.t. -Gv: Cho hs nhận xét, bổ sung <u>đáp án đúng</u>: Cây thuộc lớp 1 lá mầm: số 2, 5. Cây thuộc lớp 2 lá mầm: số 1, 3, 4. -Gv: bổ sung trên tranh.... H: Hãy lấy ví dụ về cây 1 lá mầm ? Cây 2 lá mầm ? -Hs: Cây 1 lá mầm: cây lúa, cây ngô, cây mía... Cây 2 lá mầm: cây cà phê, cây mít, cây ổi... -H: Vậy đặc điểm cơ bản để phân biệt cây 1 lá mầm và cây 2 lá mầm là gì ? -Hs: Đó là kiểu gân lá, số cánh hoa... Gv: Nhấn mạnh cho hs đặc điểm phân biệt: + Cây 2 lá mầm: rễ cọc, gân hình mạng, hoa có 5 cánh hoặc có thể 4 cánh Vd: Hoa mẫu đơn... + Cây 1 lá mầm: rễ chùm, gân hình cung, song song, hoa 6 cánh hoặc có hoa chỉ 3 cánh Vd: Hoa cây rau mác... → Chốt lại nội dung...	 -Lớp 2 lá mầm và lớp 1 lá mầm, hai lớp này phân biệt với nhau chủ yếu: Số lá mầm của phôi, rễ, gân lá, số cánh hoa...
--	--

4/Củng cố:

Hs: Đọc phần ghi nhớ sgk, phần “Em có biết”.

Bài tập: Hoàn thành bảng dưới đây:

Tên cây	Rễ	Thân	Kiểu gân lá	Thuộc lớp	
				1 lá mầm	2 lá mầm
1.....					
2.....					
3.....					
4.....					

5/ Hướng dẫn học ở nhà:

- Học bài
- Trả lời câu hỏi và bài tập SGK/tr139
- Đọc phần “Em có biết”
- Chuẩn bị: nghiên cứu bài 42, trả lời các câu hỏi sau:
 - + Thế nào là phân loại thực vật?
 - + Kể những ngành thực vật đã học và nêu đặc điểm chính của mỗi ngành đó.

V. Rút kinh nghiệm:

.....

